

Xu hướng tăng ngắn hạn vẫn rất tích cực

Các chỉ số có thêm một phiên giao dịch tăng điểm tốt với đà tăng thấp hơn nhưng mức độ tích cực tốt hơn nhờ thanh khoản tăng. Xác suất duy trì toàn phiên giao dịch với vài lần chùng xuống trong phiên nhưng kết thúc phiên tích cực khi dòng tiền tham gia mua vào mỗi khi cổ phiếu giảm điểm. VNIndex đóng cửa ở 937.54 điểm tăng 11.44 điểm và VN30 đóng cửa ở 888.33 điểm tăng 9.66 điểm với thanh khoản toàn thị trường khi loại bỏ giao dịch thỏa thuận tiếp tục có sự cải thiện mạnh khi đạt mức 3.700 tỷ đồng cao hơn rất nhiều so với mức trung bình 2.400-2.500 tỷ các phiên gần đây.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn phần lớn đồng thuận tăng điểm dẫn đầu là VIC; SAB; MSN; VCB; VNM; BID; TCB; VHM; GAS...trong khi áp lực giảm nhẹ đến từ BVH; PPC; FPT; PVD; PNJ; POW...không gây ra nhiều sức cản cho chỉ số. Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng tiếp tục tăng điểm dẫn đầu là LPB +3.4%; TCB +1.5%; BID +1.6%; HDB +1.5%; ACB; CTG; VCB; VPB; EIB; STB...tăng nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán tăng tốt dẫn đầu là HCM +5.8%; VCI +4.1%; VND +2.4%; SHS +1.8%; SSI tăng nhẹ trong khi FTS đóng cửa ở tham chiếu và MBS giảm nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí tăng điểm dẫn đầu là BSR +3.8%; PVB +2.5%; OIL +1.4%; PVS +1.1%; và GAS; PLX tăng nhẹ trong khi PVD giảm nhẹ 1.5%. Nhìn chung, cổ phiếu tăng giá vẫn nhiều hơn so với số lượng cổ phiếu giảm giá và nhiều cổ phiếu có mức tăng ấn tượng so với mặt bằng chung như VIC +4.9%; HBC +4.7%; HAG +6.9%; HCM +5.8%; DIG +4.4%; HSG +6.9%; KSB +5%; FCN +4.6%; IDI +5%; MPC +4.1%; BSR +3.8%; NTC +5.1%; GEG +5.2%; VGT +3.4%....

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch rất sôi động trong phiên hôm nay khi có nhiều giao dịch thỏa thuận nội khối và khối này mua ròng gần 100 tỷ trên sàn HOSE. Các cổ phiếu được tích cực mua ròng là HPG; VNM; VCB; MSN; STB; SSI; POW; PHR...trong khi ở chiều ngược lại khối này bán ròng tập trung vào DHG; VRE; PVD; VHM; VJC; LDG; DQC; ...

Xu hướng tăng ngắn hạn của thị trường vẫn diễn ra rất tích cực với phiên tăng điểm mạnh thứ 2 liên tiếp sau phiên bứt phá thành công qua vùng kháng cự xác nhận phiên giao dịch bứt phá trước đó. VNIndex hiện đang có nhiều cơ hội hướng về vùng 960 điểm tương đương vùng đỉnh tháng 12/2018. Dòng tiền tham gia thị trường ngày một tích cực hơn và giúp cho các chỉ số tăng điểm cũng như giúp cho số lượng cổ phiếu tăng giá nổi trội xuất hiện nhiều hơn. Chúng tôi cho rằng phiên giao dịch tới áp lực điều chỉnh sẽ xuất hiện trở lại nhưng đây là điều hoàn toàn bình thường và là cơ hội để nhà đầu tư còn sở hữu tỷ lệ cổ phiếu ở tỷ lệ thấp chọn lọc mua vào. Chúng tôi cho rằng hiện cơ hội đang rất nhiều ở góc độ PTKT nhưng cơ hội thực sự phần lớn đã qua đi nên các quyết định mua vào khi thị trường hưng phấn sẽ gặp những rủi ro ngắn hạn hơn là kiên nhẫn đợi mua vào khi điều chỉnh.

Thống kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	937.5	106.0
% Thay đổi	1.24	0.76
Khối lượng	188.4	36.0
Giá trị (tỷ đồng)	4,198.7	447.1
Số mã tăng	178	90
Số mã giảm	111	65
Không thay đổi	86	221

Hàng hóa & Tiền tệ	Đóng cửa	Thay đổi (%)
Gold(USD/Oz)	1,311	0.34
WTI Oil (\$/B) 1Mth	53	0.73
Brent Oil (\$/B) 1Mth	62	0.65
USDVND	23,209	0.01
EURVND	26,089	0.49

Nguồn: Bloomberg

VNINDEX



HNX-INDEX



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng (%)	Thay đổi (%)	P/E (lần)	P/B (lần)
Tiêu dùng thiết yếu	2.93	0.25%	16.32	3.40
Thực phẩm và đồ uống	18.90	1.53%	30.26	7.39
Năng lượng	2.79	0.03%	18.57	2.78
Tài chính	26.30	0.89%	18.36	2.33
Y tế	0.93	0.68%	17.59	2.73
Công nghiệp	7.43	0.42%	20.61	2.91
Công nghệ thông tin	0.99	0.05%	12.39	2.10
Vật liệu và hóa chất	3.95	1.46%	16.67	1.39
Bất động sản	26.86	2.24%	51.63	5.16
Dịch vụ tiện ích	7.20	0.53%	14.00	3.35

Thị trường	Đóng cửa	Thay đổi (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	Vốn hóa (Tỷ USD)
China	3,330.3	0.72%	12.43	1.61	3,917.7
India	10,831.4	-0.53%	24.57	2.90	1,118.6
Indonesia	6,426.3	-1.06%	20.30	2.34	526.4
Laos	831.0	0.00%	4.71	0.29	1.1
Malaysia	1,687.4	-0.07%	19.09	1.75	262.5
Philippines	8,009.9	-0.64%	20.33	2.14	192.7
Taiwan	10,097.7	0.93%	13.15	1.52	971.4
Thailand	1,642.5	0.27%	15.20	1.92	532.6
Vietnam	937.5	1.24%	15.76	2.43	130.7

Nguồn: Bloomberg

HOSE

TOP kéo VN Index tăng

Cổ phiếu	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Khối lượng giao dịch	Đóng góp vào VN Index
VIC	109,100	4.9	769,110	4.961
SAB	237,800	1.9	11,200	0.880
MSN	82,300	2.6	1.03MLN	0.745
VCB	58,600	0.9	1.68MLN	0.565
VNM	138,000	0.7	957,440	0.531

TOP kéo VN Index giảm

Cổ phiếu	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Khối lượng giao dịch	Đóng góp vào VN Index
BVH	95,100	-0.4	77,860	-0.085
FPT	43,900	-0.6	701,570	-0.047
CII	23,300	-2.1	657,800	-0.043
HT1	15,350	-2.2	235,060	-0.041
PPC	23,300	-1.7	588,840	-0.040

HNX

TOP kéo HNX Index tăng

Cổ phiếu	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Khối lượng giao dịch	Đóng góp vào HNX Index
ACB	30,500	1.0	2.06MLN	0.371
SHB	7,700	1.3	7.18MLN	0.103
NVB	8,800	3.5	216,600	0.087
PVS	19,100	1.1	3.72MLN	0.048
DGC	42,200	1.0	87,700	0.026

TOP kéo HNX Index giảm

Cổ phiếu	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Khối lượng giao dịch	Đóng góp vào HNX Index
PGS	33,000	-4.1	2,100	-0.046
NDN	12,400	-3.9	112,800	-0.021
SRA	18,100	-4.7	85,100	-0.015
NTP	40,500	-1.2	19,800	-0.014
SLS	42,700	-3.6	1,200	-0.009

Nguồn: Bloomberg

*MLN tương đương đơn vị triệu cổ phiếu

TIN VĨ MÔ

Ngành công thương hướng tới những mục tiêu cao hơn trong năm 2019 - Bộ trưởng Công Thương Trần Tuấn Anh cho biết: năm 2019, Quốc hội giao Chính phủ, Bộ Công Thương phấn đấu chỉ tiêu tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7 - 8% so với năm 2018; tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%. Trên cơ sở bối cảnh hiện nay, để đạt được mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu năm 2019 từ 7 - 8% và phấn đấu cao hơn, Bộ Công Thương sẽ chú trọng triển khai nhiều biện pháp, giải pháp quan trọng nhằm phát triển thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, phù hợp với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

TIN HÀNG HÓA

Đàm phán thương mại tiến triển chậm, giá dầu mất 1% - Giá dầu ngày 11/2 giảm khoảng 1% do các lo ngại liên quan đàm phán thương mại Mỹ - Trung lần át tác động từ việc OPEC hạn chế nguồn cung. Giá dầu WTI tương lai giảm 31 cent, tương đương 0,6%, xuống 52,41 USD/thùng. Giá dầu Brent tương lai giảm 62 cent, tương đương 1%, xuống 61,48 USD/thùng.

TIN DOANH NGHIỆP

REE -Thực hiện tạm ứng cổ tức 18% năm 2018 - Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (HoSE: REE) thông báo ngày 27/2 là thời điểm chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 và tạm ứng cổ tức năm 2018. Công ty thực hiện trả cổ tức tạm ứng năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 18%. Thời điểm thanh toán dự kiến vào 5/4.

PLX - Chưa bán được cổ phiếu quỹ - Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex -HoSE: PLX) thông báo không bán được cổ phiếu nào trong tổng số 12 triệu cổ phiếu quỹ đăng ký bán trước đó. Thời gian giao dịch từ 7/1 đến 1/2. Petrolimex lý giải là do điều kiện thị trường không phù hợp. Như vậy, với việc bán không thành công, số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của PLX vẫn là hơn 135 triệu đơn vị.

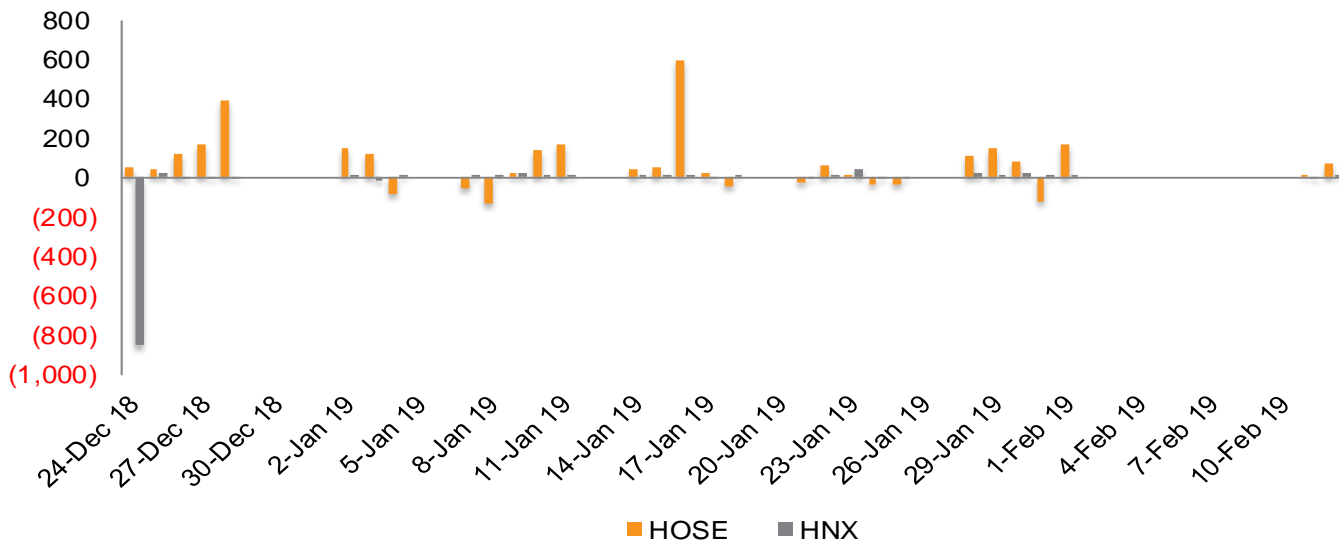
CTI - Đặt kế hoạch lãi 172 tỷ đồng năm 2019 - Năm 2019, CTCP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO (CTI) đặt kế hoạch tăng trưởng ấn tượng với doanh thu hợp nhất 1.520 tỷ đồng, tăng 65%, tổng lợi nhuận sau thuế gần 172 tỷ đồng, tăng 15% so với thực hiện năm 2018. Mới đây, Hội đồng quản trị CTI cũng ra nghị quyết về việc sẽ hoàn tất việc tiếp nhận chuyển giao dự án BOT Phan Thiết - Đồng Nai, đồng thời thành lập doanh nghiệp dự án để tiếp nhận dự án cải tạo nền, mặt đường Quốc lộ 1 Phan Thiết - Đồng Nai theo hình thức hợp đồng BOT.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	21.3	1.2	MUA	885.2	24.2
% of market	11.4%	3.4%	% of market	22.3%	5.4%
BÁN	18.2	1.4	BÁN	814.4	16.4
% of market	9.8%	3.8%	% of market	20.5%	3.7%
MUA (BÁN) RÒNG	3.07	(0.2)	MUA (BÁN) RÒNG	70.8	7.8

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	4,625.8	420.3	MUA	260,245.0	7,651.2
% of market	9.4%	3.2%	% of market	19.5%	4.6%
BÁN	4,267.8	516.2	BÁN	219,041.2	9,527.6
% of market	8.7%	4.0%	% of market	16.4%	5.7%
MUA (BÁN) RÒNG	358.0	(95.9)	MUA (BÁN) RÒNG	41,204	(1,876.3)

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

HOSE				
Nước ngoài mua nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua (Tỷ VNĐ)	Đóng góp VN Index
VNM	138,000	0.73	279.3	0.531
MSN	82,300	2.62	86.2	0.745
HPG	29,500	2.08	75.6	0.388
VCB	58,600	0.86	52.0	0.565
VIC	109,100	4.90	38.4	4.961

Nước ngoài bán nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
VNM	138,000	0.73	244.7	0.531
VRE	29,700	1.02	65.7	0.213
MSN	82,300	2.62	63.3	0.745
DHG	85,300	0.35	60.6	0.012
VPB	21,350	0.71	36.6	0.112

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
HPG	29,500	2.08	49.9	0.388
VCB	58,600	0.86	45.9	0.565
VNM	138,000	0.73	34.5	0.531
STB	13,000	0.39	24.1	0.029
MSN	82,300	2.62	22.8	0.745

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
DHG	85,300	0.35	-59.3	0.012
VRE	29,700	1.02	-31.3	0.213
PVD	16,400	-1.50	-20.1	-0.029
VJC	125,900	0.00	-17.7	0.000
VHM	80,000	0.13	-16.4	0.102

HNX				
Nước ngoài mua nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua (Tỷ VNĐ)	Đóng góp HNX Index
PVS	19,100	1.06	11.8	0.000
VGC	20,400	0.49	10.3	0.000
DGC	42,200	0.96	0.4	0.000
VCS	61,800	0.32	0.3	0.000
BVS	12,000	0.00	0.2	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
VGC	20,400	0.49	7.4	0.000
PVB	16,100	2.55	3.8	0.000
HUT	3,500	2.94	2.2	0.000
NTP	40,500	-1.22	0.8	0.000
PVS	19,100	1.06	0.7	0.000

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
PVS	19,100	1.06	11.2	0.000
VGC	20,400	0.49	2.9	0.000
DGC	42,200	0.96	0.4	0.000
VCS	61,800	0.32	0.3	0.000
TV2	124,000	-1.20	0.2	0.000

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
PVB	16,100	2.55	-3.81	0.000
HUT	3,500	2.94	-2.16	0.000
NTP	40,500	-1.22	-0.80	0.000
SEB	30,900	-2.52	-0.33	0.000
HGM	40,000	0.00	-0.31	0.000

Nguồn: Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 50 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá	% Thay đổi giá			Vốn hóa (Tỷ đồng)	CP lưu hành (Triệu CP)	Freefloat (%)	Room ngoại (%)	KLGDBQ 30 phiên	P/E	P/B	ROE (%)	ROA (%)
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	109,100	7.6	13.8	4.7	348,206	3,192	57.6	31.8	516,082	96.9	6.2	8.0	1.3
2 VHM	80,000	4.4	5.3	-6.5	267,961	3,350	30.3	33.5	355,027	17.6	6.2	56.8	16.8
3 VNM	138,000	3.0	17.9	5.3	240,314	1,741	46.2	40.4	674,217	26.1	9.3	37.5	28.4
4 VCB	58,600	6.2	7.3	-7.7	217,340	3,709	25.2	6.7	942,804	14.4	3.3	25.2	1.4
5 GAS	91,000	0.0	-5.8	-7.8	174,169	1,914	4.2	45.5	380,792	14.6	3.8	27.8	19.4
6 SAB	237,800	-0.9	2.1	13.8	152,497	641	10.4	90.2	33,511	37.5	10.1	29.4	18.8
7 BID	32,450	1.7	0.8	8.5	110,937	3,419	4.4	26.9	857,057	15.1	2.1	15.1	0.6
8 TCB	27,450	5.6	4.4	0.9	95,981	3,497	81.6	0.0	2,084,084	11.0	1.9	21.5	2.9
9 MSN	82,300	2.0	-1.6	-7.5	95,727	1,163	30.6	8.5	556,577	18.0	3.2	22.2	7.7
10 CTG	20,850	10.9	-7.1	-14.0	77,633	3,723	15.8	0.5	4,976,410	14.3	1.2	8.3	0.5
11 VRE	29,700	-0.7	-3.9	-9.5	69,166	2,329	100.0	17.2	1,202,294	28.7	2.4	8.8	6.3
12 VJC	125,900	7.6	-2.6	-17.4	68,189	542	53.2	7.3	507,652	13.1	4.9	42.6	14.7
13 BVH	95,100	5.2	-2.6	12.5	66,654	701	31.2	24.2	57,922	62.6	4.5	7.3	1.0
14 PLX	55,700	0.7	-3.6	-12.8	64,546	1,159	6.3	9.3	411,152	17.4	3.2	18.1	6.3
15 HPG	29,500	0.5	-21.4	-20.3	62,655	2,124	53.5	10.3	3,642,236	7.3	1.5	23.6	13.1
16 NVL	57,500	-3.0	-18.7	-11.5	53,501	930	32.4	31.7	520,066	16.7	2.8	20.1	5.4
17 VPB	21,350	11.8	4.4	-20.3	52,452	2,457	69.0	0.0	1,817,980	7.1	1.5	22.8	2.4
18 MBB	22,000	14.3	5.8	-5.4	47,530	2,160	56.1	0.0	4,957,197	7.8	1.5	20.1	1.8
19 POW	16,900	N/A	N/A	N/A	39,578	2,342	90.0	33.7	N/A	23.6	1.6	6.8	2.8
20 MVG	84,600	-0.5	2.5	-2.3	37,489	443	87.1	0.0	461,543	12.6	4.2	38.7	11.3
21 HDB	31,100	6.5	-2.8	-16.2	30,509	981	72.6	3.2	1,161,582	10.7	2.0	19.1	1.4
22 FPT	43,900	4.0	4.6	1.9	26,935	614	81.8	0.0	396,699	11.3	2.2	21.9	9.6
23 STB	13,000	14.0	6.6	15.6	23,447	1,804	94.0	10.1	3,657,710	13.1	1.0	7.5	0.5
24 EIB	18,000	24.1	34.3	28.6	22,130	1,229	79.0	0.2	247,352	33.5	1.5	4.5	0.4
25 ROS	33,700	-5.9	-9.0	-18.8	19,128	568	27.0	46.8	3,096,303	89.5	3.3	3.7	2.0
26 BHN	81,600	-2.0	-2.3	-1.9	18,915	232	0.9	31.4	370	35.9	4.4	13.0	5.6
27 TPB	21,300	1.9	6.8	6.8	18,117	851	70.6	0.0	266,191	9.7	1.7	21.2	1.4
28 PNJ	96,800	4.6	1.9	0.8	16,166	167	69.4	0.0	191,018	16.5	4.3	28.7	17.8
29 SSI	27,150	3.8	-4.1	-10.4	13,824	509	64.3	42.7	1,417,593	10.4	1.5	14.8	6.1
30 HNG	15,100	1.7	-7.6	-0.7	13,391	887	42.0	55.8	553,365	N/A	1.3	-5.1	-1.7
31 KDH	30,400	-0.3	-1.0	7.5	12,586	414	75.1	1.4	330,060	15.1	1.8	13.4	8.1
32 DHG	85,300	6.8	0.7	-16.8	11,153	131	22.1	53.1	84,201	19.2	3.6	19.8	15.8
33 REE	34,850	10.6	11.9	2.3	10,805	310	84.4	0.0	330,462	6.1	1.2	20.6	12.0
34 SBT	20,000	2.2	-6.0	30.9	10,503	525	30.2	88.7	1,355,128	69.3	1.7	11.3	4.3
35 CTD	134,600	-15.1	-8.9	-14.3	10,159	75	85.5	2.1	187,269	7.3	1.3	18.8	9.2
36 GEX	22,600	3.4	-12.7	-23.4	9,188	407	68.5	36.6	1,243,811	8.9	1.6	18.8	6.0
37 DPM	22,600	5.9	22.5	27.0	8,844	391	38.1	26.2	522,042	14.6	1.1	8.8	6.5
38 DXG	24,700	6.2	0.2	-9.5	8,641	350	66.8	0.7	1,150,462	7.2	1.7	26.7	9.8
39 VHC	92,800	2.0	-10.8	34.3	8,575	92	37.7	63.5	186,112	5.9	2.1	41.7	25.6
40 NT2	29,050	5.8	13.0	7.6	8,363	288	32.1	26.4	245,738	11.1	2.3	17.6	8.3
41 GMD	26,350	2.5	-6.4	1.0	7,824	297	60.8	0.0	333,773	4.3	1.3	29.4	17.2
42 PPC	23,300	20.4	28.0	28.7	7,470	321	24.7	34.4	317,939	6.5	1.3	20.7	15.9
43 YEG	234,500	-3.5	-21.8	20.3	7,335	31	93.2	54.7	6,835	46.2	4.7	16.5	11.9
44 SCS	146,000	3.9	-1.6	-14.9	7,298	50	99.1	31.5	6,786	17.6	8.7	40.8	35.2
45 PDR	27,000	4.2	1.9	8.0	7,193	266	37.8	43.0	597,682	11.4	2.1	20.5	6.1
46 TCH	20,200	18.8	-1.2	-29.9	7,136	353	50.0	44.8	772,179	26.7	1.7	6.2	5.3
47 KBC	14,500	5.1	16.5	20.8	6,812	470	75.4	29.0	2,801,872	9.1	0.8	8.6	4.6
48 HCM	50,800	16.4	-10.1	-14.9	6,581	130	66.7	39.1	190,444	9.7	2.2	23.1	11.3
49 VPI	41,050	-0.4	-4.8	0.1	6,568	160	100.0	39.4	177,969	15.6	2.9	20.6	8.1
50 NLG	26,650	4.7	-5.8	-8.6	6,373	239	60.8	0.0	251,095	7.1	1.3	19.2	8.7

Nguồn: Bloomberg 12/02/2019

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Trung tâm Tư vấn Đầu tư VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Tư vấn Đầu tư – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

TRUNG TÂM TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : Trungtamtuvandautu@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>